

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2368 /2007/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2007*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Ban hành quy định về công tác quản lý dự án đầu tư và xây dựng  
sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/1/2003 về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 52/1999/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐ-CP; Nghị định 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1200/SKHĐT-TĐ ngày 24/10/2007 và văn bản thẩm định của Sở Tư pháp số 2407/TP-VB ngày 24/10/2007,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về công tác quản lý dự án đầu tư và xây dựng sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế các quy định ban hành kèm theo các Quyết định của UBND tỉnh số 2809/QĐ-UBND ngày 13/7/2001 về quy định tổ chức và thực hiện quy chế đấu thầu theo Nghị định 88/1999/NĐ-CP ngày 1/9/1999, quyết định số 2120/2003/QĐ-UB ngày 5/9/2003 về phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư, phê duyệt TKKT-DT và quyết toán các dự án đầu tư XDCB; Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 22/8/2006 về ban hành quy trình lập thẩm định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, BCKT-KT và thiết kế kỹ thuật xây dựng đối với các công trình nhóm

B,C trên địa bàn; thay thế quy định về phân công, phân cấp, uỷ quyền quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định 1688/QĐ-UB ngày 15/8/2006.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị tham gia hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Kim**

**QUY ĐỊNH****Về công tác quản lý dự án đầu tư và xây dựng sử dụng vốn Nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo quyết định số: 2368 /2007/QĐ-UBND, ngày tháng 10 năm 2007  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định một số nội dung của công tác quản lý đầu tư và xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho đến khi kết thúc đầu tư đưa dự án vào khai thác sử dụng;

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn do Doanh nghiệp Nhà nước đầu tư để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, bao gồm:

2.1. Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa lớn, nâng cấp các dự án đã được đầu tư xây dựng;

2.2. Dự án đầu tư để mua sắm thiết bị, máy móc không cần lắp đặt và sản phẩm công nghệ khoa học mới;

2.3. Dự án nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật.

**Điều 2. Những nội dung chính trong quy định**

Quy định này phân cấp, phân công trách nhiệm giữa các cấp, các ngành và các chủ đầu tư trong quản lý đầu tư và xây dựng (từ giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và xây dựng cho đến khi kết thúc đầu tư đưa dự án vào khai thác sử dụng), công tác giám sát, đánh giá đầu tư, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh.

**CHƯƠNG II:****PHÂN CẤP, PHÂN CÔNG TRONG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG**

**Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư**

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư các dự án nhóm A, B, C trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các huyện (sau đây gọi chung là cấp huyện), các xã phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) được quyết định đầu tư các dự án trong phạm vi ngân sách của địa phương sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Trường hợp vốn do ngân sách cấp trên bổ sung thì thực hiện như sau:

3.1. Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên được quyết định đầu tư các dự án thuộc ngân sách của địa phương có tổng mức đầu tư không lớn hơn 5 tỷ đồng;

3.2. Chủ tịch UBND các huyện và thị xã Sông Công được quyết định đầu tư các dự án thuộc ngân sách của địa phương có tổng mức đầu tư không lớn hơn 3 tỷ đồng;

3.3. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư các dự án thuộc ngân sách của địa phương có tổng mức đầu tư không lớn hơn 1 tỷ đồng.

**Điều 4. Phân công trách nhiệm trong quản lý đầu tư và xây dựng**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

1.1. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm và 5 năm toàn tỉnh, cân đối trình UBND tỉnh để giao kế hoạch đầu tư; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư hàng năm;

1.2. Đầu mối tổ chức thẩm định các dự án đầu tư và xây dựng; thẩm định kế hoạch đấu thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh;

1.3. Phối hợp với Sở Tài chính để triển khai, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư thuộc các nguồn vốn do nhà nước quản lý;

1.4. Hướng dẫn, tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư và công tác đấu thầu theo quy định của Chính phủ.

2. Sở Xây dựng:

2.1. Tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch:

a) Đồ án quy hoạch xây dựng đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

b) Quy hoạch chung xây dựng đô thị loại 3 và đô thị mới có dân số tương đương với đô thị loại 3, các khu chức năng ngoài đô thị có quy mô  $\geq 500$  ha (khu du lịch, bảo tồn di sản, khu di tích, khu công nghiệp).

c) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 các khu chức năng của các đô thị loại 1, loại 2, loại 3; Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 và tỷ lệ 1/500 đối với các khu

vực có phạm vi lập quy hoạch có liên quan tới địa giới hành chính 2 huyện trở lên, các khu chức năng khác ngoài đô thị (khu du lịch, bảo tồn di sản, khu di tích, khu công nghiệp) có quy mô < 500 ha, các khu chức năng thuộc khu công nghệ cao, khu kinh tế có chức năng đặc biệt, các khu chức năng thuộc đô thị mới; Phối hợp với các tỉnh có liên quan tổ chức lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và tỷ lệ 1/500 với các khu chức năng trong đô thị mới liên tỉnh, có phạm vi lập quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc địa giới hành chính 2 tỉnh trở lên.

## 2.2. Tổ chức lập quy hoạch xây dựng:

a) Các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

b) Lập quy hoạch chung xây dựng đô thị loại 3 và đô thị mới có dân số tương đương với đô thị loại 3, các khu chức năng ngoài đô thị có quy mô  $\geq 500$  ha (khu du lịch, bảo tồn di sản, khu di tích, khu công nghiệp).

c) Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 các khu chức năng của các đô thị loại 1, loại 2, loại 3; quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 và tỷ lệ 1/500 đối với các khu vực có phạm vi lập quy hoạch có liên quan tới địa giới hành chính 2 huyện trở lên, các khu chức năng khác ngoài đô thị (khu du lịch, bảo tồn di sản, khu di tích, khu công nghiệp) có quy mô < 500 ha, các khu chức năng thuộc khu công nghệ cao, khu kinh tế có chức năng đặc biệt, các khu chức năng thuộc đô thị mới; Phối hợp với các tỉnh có liên quan tổ chức lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và tỷ lệ 1/500 với các khu chức năng trong đô thị mới liên tỉnh, có phạm vi lập quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc địa giới hành chính 2 tỉnh trở lên.

d) Hướng dẫn các chủ đầu tư lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của các dự án đầu tư xây dựng tập trung, quy hoạch chi tiết các khu dân cư, khu tái định cư của các dự án do Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư, các dự án đầu tư nước ngoài.

2.3. Thẩm định nhiệm vụ, đồ án và trình phê duyệt quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh gồm:

a) Quy hoạch chung xây dựng các đô thị loại 3, loại 4, loại 5 và các đô thị mới có quy mô dân số tương đương đô thị loại 3, loại 4, loại 5; vùng tỉnh, vùng huyện và vùng liên huyện, các vùng khác trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh; quy hoạch chung các đô thị trong tỉnh (từ đô thị loại 2 trở lên), các khu chức năng khác ngoài đô thị (khu du lịch, bảo tồn di sản, khu di tích, khu công nghiệp) có quy mô  $\geq 500$  ha.

b) Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị gồm:

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 các khu chức năng của các đô thị loại 1, loại 2, loại 3.

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000, 1/500 đối với các khu vực có phạm vi lập quy hoạch chi tiết thuộc địa giới hành chính từ 2 huyện trở lên, các khu chức năng ngoài đô

thị (khu du lịch, bảo tồn di tích, công nghiệp địa phương) có quy mô < 500 ha, các khu chức năng thuộc khu công nghệ cao, khu kinh tế có chức năng đặc biệt, các khu chức năng thuộc đô thị mới, các khu chức năng thuộc đô thị mới liên tỉnh có phạm vi lập quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc địa giới hành chính của tỉnh Thái Nguyên.

2.4. Thẩm định đề UBND cấp huyện phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng tập trung, thoả thuận về kiến trúc quy hoạch đối với quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư, khu tái định cư các dự án do Quốc hội thông qua và các dự án đầu tư nước ngoài nếu địa điểm quy hoạch thuộc đô thị mà ở đó chưa có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 được duyệt.

2.5. Phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức công bố các đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt theo quy định.

2.6. Lập hồ sơ phân loại và nâng cấp đô thị để UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Chuẩn bị hồ sơ quy hoạch để UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có kết quả thẩm định của Bộ Xây dựng.

2.7. Cung cấp các thông tin về quy hoạch trong phạm vi quản lý, bao gồm: Địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng, chứng chỉ quy hoạch xây dựng và các thông tin khác có liên quan đến quy hoạch.

2.8. Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở (TKCS) của các dự án đầu tư xây dựng công trình nhóm B,C không phân biệt nguồn vốn xây dựng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, vật liệu xây dựng; các dự án công trình Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu du lịch, khu di sản và bảo tồn di tích, cụm công nghiệp địa phương, dự án đầu tư xây dựng một công trình dân dụng thuộc nhóm A dưới 20 tầng và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu; trừ những dự án nhóm B,C do Bộ Xây dựng, các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước thuộc chuyên ngành xây dựng dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, Hạ tầng kỹ thuật đô thị, đầu tư xây dựng.

2.9. Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh:

a) Tổng hợp báo cáo định kỳ về tình hình chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn gửi Bộ Xây dựng.

b) Quản lý Nhà nước về chất lượng công trình chuyên ngành dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình Hạ tầng kỹ thuật đô thị.

c) Hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

d) Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

2.10. Căn cứ các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của nhà nước và tình hình cụ thể của địa phương tổ chức công bố hệ thống đơn giá xây dựng,

giá ca máy và thiết bị thi công, giá vật liệu xây dựng để tham khảo trong quá trình xác định giá xây dựng công trình trên địa bàn, tổ chức hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình do uỷ ban nhân dân tỉnh quản lý.

2.11. Hướng dẫn, kiểm tra công tác cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh và tổ chức cấp giấy phép xây dựng cho các loại công trình xây dựng sau:

a) Các công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I ( không phân biệt nguồn vốn); cấp II, cấp III và cấp IV ( các công trình thuộc sở hữu Nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu của các doanh nghiệp).

b) Công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hoá, công trình tượng đài, quảng cáo, tranh hoành tráng.

c) Công trình ngầm đô thị.

d) Các công trình nhà ở riêng lẻ của nhân dân trên các trục phố thuộc các đô thị trong tỉnh như sau:

- Tại thành phố Thái Nguyên: Những công trình có mặt đứng tiếp giáp với các trục đường sau: Đường Hùng Vương, đường Cách mạng Tháng 8, đường Bắc Nam, đường Thống Nhất, đường Bắc Cạn, đường Hoàng Văn Thụ, đường Quang Trung, đường Lương Ngọc Quyến, đường Phan Đình Phùng, đường Minh Cầu, đường Phủ Liễn, đường Nam Đại học Thái Nguyên, đường Dương Tự Minh (đoạn từ ngã 3 Mỏ Bạch đến cổng chính nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ); các công trình nhà ở riêng lẻ có chiều cao 7 tầng trở lên xây dựng ngoài các đường phố trên.

- Tại thị xã Sông Công và các đô thị thuộc huyện gồm: Các công trình nhà ở riêng lẻ xây dựng trên địa bàn có chiều cao từ 5 tầng trở lên.

đ) Cấp giấy phép xây dựng tạm cho công trình, nhà ở riêng lẻ của nhân dân trên các trục đường phố tại thành phố Thái Nguyên như đã nêu ở trên và quy định của UBND tỉnh.

2.12. Tham gia ý kiến để thẩm định các dự án đầu tư xây dựng theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư; tham gia ý kiến để thẩm định TKCS theo đề nghị của các Sở có xây dựng chuyên ngành và tham gia thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư.

2.13. Chủ trì xây dựng đơn giá bồi thường nhà và vật kiến trúc khác trên địa bàn trình UBND tỉnh ban hành; tham gia thẩm định dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh phê duyệt.

### 3. Sở Tài chính:

3.1. Thực hiện chức năng tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài chính trong công tác đầu tư và xây dựng:

- Hướng dẫn việc thực hiện các chế độ chính sách về quản lý vốn và thanh toán vốn đầu tư trên địa bàn phù hợp với pháp luật hiện hành;

- Hướng dẫn và đôn đốc các chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán và trực tiếp thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư các dự án theo phân cấp của UBND tỉnh;

- Tham gia thẩm định các dự án đầu tư khi được yêu cầu;

3.3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư phân bổ vốn đầu tư hàng năm (kể cả kế hoạch vốn bổ sung) để trình UBND tỉnh phê duyệt;

3.4. Phối hợp với Sở Xây dựng để xác định và thông báo giá vật liệu đến hiện trường xây lắp.

4. Kho bạc Nhà nước:

4.1. Tổ chức kiểm soát thanh toán vốn đầu tư XD/CB đối với tất cả các nguồn vốn đầu tư do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh theo quy trình thống nhất;

4.2. Hướng dẫn chủ đầu tư về thủ tục quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, đôn đốc các chủ đầu tư giải quyết công nợ để hoàn thành việc thanh toán và tất toán tài khoản của dự án đã được phê duyệt quyết toán; kiểm tra tình hình thực hiện dự án, tình hình quản lý sử dụng vốn đầu tư;

4.3. Định kỳ và hết năm kế hoạch, xác nhận số thanh toán trong năm cho từng dự án do chủ đầu tư lập và gửi các cơ quan liên quan theo quy định;

4.4. Đối với dự án hoàn thành: Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã thanh toán, đồng thời có nhận xét đánh giá, kiến nghị với cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán về quá trình đầu tư của dự án;

4.5. Thực hiện chế độ thông tin và báo cáo quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư với cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định;

5. Các Sở có xây dựng chuyên ngành:

5.1. Tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch và lập quy hoạch các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc lĩnh vực chuyên ngành quản lý; tham gia thẩm định các dự án quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch dân cư địa phương theo đề nghị của Sở Xây dựng và UBND cấp huyện khi được yêu cầu;

5.2. Tổ chức thẩm định TKCS dự án các công trình do ngành mình được giao quản lý; với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì Sở chủ trì tổ chức thẩm định TKCS là một trong các Sở có chức năng quản lý loại công trình có tính chất quyết định tính chất, mục tiêu của dự án. Sở chủ trì thẩm định TKCS có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở quản lý công trình chuyên ngành và các cơ quan liên quan để thẩm định TKCS.

5.3. Với chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư và xây dựng thuộc ngành mình theo quy định của pháp luật;

5.4. Chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành thuộc ngành mình quản lý, định kỳ báo cáo gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng;

5.5. Tham gia thẩm định các dự án đầu tư, thẩm định TKCS các dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành nhóm B,C do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư.

6. Các Sở, Ngành liên quan có trách nhiệm quản lý dự án đầu tư thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc được phân công phụ trách; tham gia thẩm định các dự án đầu tư và trả lời bằng văn bản khi có yêu cầu của các chủ đầu tư.

7. UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý nhà nước về đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổ chức công bố các quy hoạch và cung cấp thông tin về quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch đô thị và nông thôn... trên địa bàn.

#### 8. Chủ đầu tư:

8.1. Chủ đầu tư là người được giao trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn để thực hiện đầu tư hoặc là người được giao quản lý, sử dụng công trình;

8.2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý dự án đầu tư và xây dựng gồm các nội dung: Từ việc lập, trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt kế hoạch triển khai dự án, thực hiện các thủ tục về đầu tư, quản lý quy mô dự án và tổng mức đầu tư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, tổ chức đấu thầu, ký kết và theo dõi giám sát các hợp đồng kinh tế, giám sát thi công xây dựng, giám sát việc mua sắm, lắp đặt máy móc, thiết bị đến công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư;

8.3. Chịu trách nhiệm kiểm tra về điều kiện, năng lực của Ban Quản lý dự án, các nhà thầu Tư vấn và nhà thầu Xây lắp, cung cấp thiết bị đảm bảo yêu cầu của dự án đầu tư;

8.4. Trả nợ vốn vay đúng thời hạn đối với dự án sử dụng vốn vay và thực hiện các điều cam kết khi huy động vốn;

8.5. Người đứng đầu tổ chức được giao làm chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về các sai phạm trong quá trình thực hiện chức năng của chủ đầu tư, tùy theo mức độ sai phạm phải chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Tổ chức Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (hình thức quản lý dự án):**

##### 1. Trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án:

1.1. Khi áp dụng hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thì Chủ đầu tư phải thành lập Ban Quản lý dự án (Ban QLDA), trừ trường hợp dự án có quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng;

a. Ban QLDA là đơn vị trực thuộc chủ đầu tư, có tư cách pháp nhân hoặc sử dụng tư cách pháp nhân của chủ đầu tư để thực hiện quản lý dự án. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban QLDA do chủ đầu tư giao;

b. Cơ cấu tổ chức của Ban QLDA do chủ đầu tư quyết định phù hợp với quy mô, tính chất, yêu cầu của dự án và nhiệm vụ, quyền hạn được chủ đầu tư giao. Ban QLDA có thể thuê tổ chức, cá nhân tư vấn để tham gia quản lý, giám sát khi không có đủ điều kiện, năng lực để tự thực hiện, nhưng phải được chủ đầu tư chấp thuận;

Cơ cấu tổ chức của Ban QLDA gồm có Giám đốc, các Phó giám đốc, các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ; những người tham gia Ban QLDA có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Giám đốc, các Phó giám đốc và những người phụ trách về kỹ thuật, kinh tế, tài chính phải có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực phụ trách và có kinh nghiệm làm việc chuyên môn tối thiểu 3 năm. Riêng đối với các dự án nhóm C ở vùng sâu, vùng xa thì các chức danh nêu trên có thể giao cho những người có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp thuộc các chuyên ngành phù hợp;

1.2. Đối với những dự án quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng thì chủ đầu tư có thể không thành lập Ban QLDA mà sử dụng các đơn vị chuyên môn của mình để quản lý dự án; trường hợp cần thiết có thể thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để giúp việc tư vấn quản lý dự án;

1.3. Ban QLDA được giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án:

2.1. Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án thì nhà thầu tư vấn phải thành lập một tổ chức để trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo hợp đồng đã ký với chủ đầu tư. Cơ cấu, thành phần của tổ chức này gồm có Giám đốc tư vấn quản lý dự án, các Phó giám đốc và các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn theo hợp đồng mà nhà thầu tư vấn đã ký với chủ đầu tư;

Giám đốc tư vấn quản lý dự án phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại khoản 1 Điều 55 của Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/2/2005. Các Phó giám đốc và những người phụ trách chuyên môn, nghiệp vụ phải có trình độ đại học thuộc các chuyên ngành phù hợp và có thời gian làm việc chuyên môn tối thiểu 3 năm;

Nhà thầu Tư vấn quản lý dự án được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia một số phần việc quản lý dự án, nhưng phải được chủ đầu tư chấp thuận và phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn trong hợp đồng đã ký với chủ đầu tư;

2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tư vấn trực tiếp thực hiện quản lý dự án tại công trường do nhà thầu tư vấn giao bằng văn bản và phải được gửi cho chủ đầu tư để thông báo tới các nhà thầu có liên quan.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

3.1. Chủ đầu tư có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về xây dựng kể từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng;

Đối với những nhiệm vụ, quyền hạn mà chủ đầu tư đã giao cho Ban QLDA (theo quyết định thành lập Ban QLDA) hoặc Tư vấn quản lý dự án (theo hợp đồng đã ký kết với nhà thầu tư vấn quản lý dự án) thì chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn đó, đảm bảo dự án được thực hiện đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt;

Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện về những công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, kể cả những công việc đã giao cho Ban QLDA hoặc nhà thầu tư vấn quản lý dự án;

3.2. Khi trình người có thẩm quyền phê duyệt dự án chủ đầu tư phải đề xuất hình thức quản lý dự án phù hợp với quy mô, tính chất của dự án.

### **CHƯƠNG III**

## **QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG**

#### **Điều 6. Phân loại dự án và quản lý dự án đầu tư**

1. Đối với các dự án đầu tư nhóm A:

Đối với các dự án nhóm A, Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo đầu tư (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) trình UBND tỉnh để thông qua HĐND và gửi Bộ quản lý ngành xem xét, thẩm tra trước khi quyết định đầu tư.

2. Đối với các dự án có quy mô nhỏ chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (BCKT-KT) bao gồm:

2.1. Công trình xây dựng cho mục đích tôn giáo;

2.2. Những công trình xây dựng mới; cải tạo, sửa chữa nâng cấp có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 7 tỷ đồng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng; trường hợp cần thiết phải lập dự án đầu tư thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư để lập dự án đầu tư.

3. Đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp có sử dụng vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp thì doanh nghiệp có dự án chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý theo quy định của Chính phủ, Nhà nước chỉ quản lý về chủ trương và quy mô đầu tư;

Cơ quan cho vay có trách nhiệm thẩm tra phương án tài chính (hiệu quả tài chính và khả năng hoàn vốn) trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau thì các bên góp vốn thoả thuận phương thức quản lý theo quy định; trường hợp phần vốn nhà nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên thì áp dụng theo quy định này;

Các Sở, Ngành và các cơ quan có liên quan theo chức năng có trách nhiệm tổ chức thẩm định TKCS, báo cáo đánh giá tác động môi trường và phòng chống cháy nổ (nếu có).

### **Điều 7. Trình tự đầu tư và điều kiện ghi kế hoạch hàng năm**

1. Kế hoạch đầu tư, bao gồm các khoản chi phí phục vụ cho các công tác:

1.1. Kế hoạch vốn cho công tác điều tra, khảo sát quy hoạch, lập quy hoạch phát triển vùng, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn;

1.2. Chi phí chuẩn bị đầu tư bao gồm vốn để lập, thẩm định dự án và quyết định đầu tư;

1.3. Kế hoạch chuẩn bị thực hiện dự án bao gồm vốn để thực hiện: Khảo sát, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và chuẩn bị xây dựng;

1.4. Kế hoạch thực hiện đầu tư bao gồm vốn để xây lắp, mua sắm, kết thúc xây dựng, đưa dự án vào khai thác sử dụng.

2. Điều kiện ghi kế hoạch hàng năm:

2.1. Các dự án ghi kế hoạch chuẩn bị đầu tư phải có trong quy hoạch phát triển ngành và địa phương, quy hoạch xây dựng được duyệt;

2.2. Các dự án ghi kế hoạch chuẩn bị thực hiện đầu tư hoặc thực hiện đầu tư phải có quyết định đầu tư phù hợp với những quy định về đầu tư và xây dựng được phê duyệt chậm nhất là 31/10 của năm trước năm kế hoạch;

2.3. Kế hoạch thực hiện đầu tư: các công trình của dự án phải có Thiết kế- Tổng dự toán (TK - TDT) hoặc Thiết kế bản vẽ thi công- Dự toán (TKBVTTC - DT) của hạng mục công trình được duyệt;

2.4. Kế hoạch chuẩn bị thực hiện dự án và kế hoạch thực hiện đầu tư chỉ được ghi khi chủ đầu tư thực hiện đúng và đầy đủ báo cáo giám sát đánh giá đầu tư theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư**

1. Điều kiện lập dự án đầu tư:

1.1. Dự án đầu tư được lập phải có trong danh mục quy hoạch kinh tế xã hội, quy hoạch chuyên ngành được duyệt. Đối với các dự án chưa có trong quy hoạch ngành thì trước khi lập dự án phải có văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy

hoạch. Các dự án phải tuân thủ quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đai và các vấn đề có liên quan;

1.2. Những dự án chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư hàng năm thì trước khi lập dự án đầu tư, Chủ đầu tư phải có sự thống nhất với cơ quan quản lý ngành và cơ quan kế hoạch về quy mô, tổng mức đầu tư và khả năng huy động các nguồn vốn để thực hiện dự án;

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, phòng Kế hoạch và Đầu tư hoặc phòng Tài chính kế hoạch tổng hợp yêu cầu về đầu tư và khả năng bố trí vốn (đã được phân cấp) để báo cáo UBND cấp mình giao kế hoạch chuẩn bị đầu tư;

1.4. Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn tổ chức tư vấn (đấu thầu hoặc chỉ định thầu) có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của dự án để lập dự án đầu tư; nội dung của dự án đầu tư phải được thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành;

1.5. Thời gian lập dự án phải hoàn thành không quá 4 tháng đối với Báo cáo Kinh tế- Kỹ thuật (BCKT-KT), 5 tháng đối với dự án nhóm C; 9 tháng đối với nhóm B kể từ ngày có chủ trương hoặc quyết định giao kế hoạch chuẩn bị đầu tư.

## 2. Thẩm định dự án đầu tư:

2.1. Chủ đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ dự án (gồm Thuyết minh + TKCS) tới đầu mỗi thẩm định dự án để thẩm định.

2.2. Dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, đầu mỗi tổ chức thẩm định là Sở Kế hoạch và Đầu tư và quy trình thẩm định như sau:

a). Đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5, điều 1 của Nghị định 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ;

b). Những dự án thuộc danh mục phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 của Chính phủ và các dự án thuộc danh mục phải lập phương án phòng chống cháy nổ thuộc Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 4/4/2003 của Chính phủ, Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án phòng chống cháy nổ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định về tác động môi trường và Công an tỉnh thẩm định phương án phòng chống cháy nổ trước khi gửi tới đầu mỗi tổ chức thẩm định để trình thẩm định và phê duyệt dự án;

Thời gian thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thẩm định phương án phòng chống cháy nổ tối đa 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ và yêu cầu của chủ đầu tư;

c). Sau khi có kết quả thẩm định của các nội dung liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định phần nội dung thuyết minh và tổng hợp các nội dung thẩm định của các

sở, ngành liên quan lập báo cáo kết quả thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh để xem xét, quyết định.

2.3. Đối với dự án đầu tư do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư thì đầu mối thẩm định là phòng Kế hoạch và Đầu tư hoặc phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện.

Đơn vị đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định các cơ quan liên quan để thẩm định dự án;

Phòng Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, lập báo cáo kết quả thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

2.4. Đối với dự án đầu tư do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư thì Phòng Kế hoạch và Đầu tư hoặc phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện chịu trách nhiệm làm đầu mối tổ chức thẩm định các nội dung theo yêu cầu của dự án.

### 3. Phê duyệt dự án đầu tư:

3.1. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư sau khi có báo cáo kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

3.2. Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt dự án đầu tư sau khi có báo cáo kết quả thẩm định của phòng Kế hoạch và Đầu tư hoặc phòng tài chính - kế hoạch;

3.3. Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt dự án đầu tư sau khi có báo cáo kết quả thẩm định của Phòng Kế hoạch và Đầu tư;

Thẩm quyền thẩm định TKCS đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo khoản 5, điều 9 của Nghị định 16/2005/NĐ-CP và khoản 6 mục 5 điều 1 của Nghị định 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ.

### 4. Thẩm định, phê duyệt BCKT-KT:

Các BCKT-KT xây dựng công trình do chủ đầu tư tổ chức thẩm định TKBVTC - DT; trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực có thể thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra;

Chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc các cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định dự án đầu tư để thẩm định nội dung thuyết minh và tổng hợp lập báo cáo trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### 5. Thời hạn thẩm định dự án đầu tư và thẩm định TKCS:

5.1. Thời gian thẩm định dự án đầu tư tối đa 30 ngày đối với dự án nhóm B, 20 ngày đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

5.2. Thời gian thẩm định TKCS tối đa 15 ngày đối với dự án nhóm B, 10 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp đặc biệt, thời gian thẩm định dự án có thể kéo dài hơn nhưng phải được người quyết định đầu tư cho phép.

6. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, BCKT-KT, nội dung tờ trình đề nghị phê duyệt dự án thực hiện theo quy định của Chính phủ và các thông tư hiện hành của Bộ Xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khác.

### **Điều 9. Điều chỉnh dự án đầu tư**

1. Dự án đầu tư chỉ được thay đổi (điều chỉnh, bổ sung tổng mức đầu tư) trong các trường hợp quy định tại điều 7, Nghị định 99/2007/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Xuất hiện các yếu tố bất khả kháng: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và có tác động trực tiếp đến công trình xây dựng;

- Khi quy hoạch đã phê duyệt được điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp tới tổng mức đầu tư xây dựng công trình;

- Do người quyết định đầu tư thay đổi, điều chỉnh quy mô công trình khi thấy xuất hiện các yếu tố mới đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn;

Sau khi được người có thẩm quyền cho phép bằng văn bản thì chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các bước trình duyệt, thẩm định lại theo quy định. Khi chủ đầu tư làm thủ tục xin phép người có thẩm quyền điều chỉnh dự án thì chủ đầu tư phải có báo cáo giám sát đánh giá đầu tư gửi kèm theo tờ trình.

Dự án chỉ được điều chỉnh khi chủ đầu tư thực hiện báo cáo giám sát đánh giá đầu tư theo đúng quy định.

2. Dự án đầu tư thay đổi do nguyên nhân chủ quan của chủ thể hoặc cá nhân nào thì chủ thể, cá nhân đó phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do sự thay đổi đó.

3. Dự án bị đình, hoãn, huỷ bỏ trong những trường hợp sau:

3.1. Sau 12 tháng kể từ ngày có quyết định đầu tư chủ đầu tư không triển khai dự án mà không có sự chấp thuận của người có thẩm quyền;

3.2. Kéo dài việc thực hiện quá 12 tháng so với mốc tiến độ ghi trong quyết định mà không có sự chấp thuận của người có thẩm quyền;

3.3. Tự thay đổi mục tiêu dự án mà không được người có thẩm quyền cho phép bằng văn bản;

3.4. Mọi thiệt hại của dự án do triển khai chậm so với quy định, bị huỷ bỏ hoặc bị đình hoãn mà không báo cáo và được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép (bằng văn bản) hoặc dự án thực hiện sai so với quyết định đầu tư thì chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về thiệt hại của dự án đầu tư do mình quản lý và phải làm rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Điều kiện để khởi công công trình xây dựng**

Tất cả các công trình khi khởi công phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có TKBVTC, DT công trình được duyệt; Trường hợp dự toán công trình chưa được duyệt thì phải có DT hạng mục công trình được duyệt và sau khi thực hiện được 30% công việc, dự toán công trình phải được phê duyệt để làm căn cứ quản lý chi phí xây dựng công trình;

2. Có mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng do chủ đầu tư và nhà thầu thi công công trình thoả thuận;

3. Có giấy phép xây dựng đối với các dự án phải có giấy phép xây dựng;

4. Có hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp;

5. Có đủ vốn để thanh toán theo tiến độ của hợp đồng giao nhận thầu;

6. Có biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

### **Điều 11. Quản lý dự toán xây dựng công trình**

1. Nguyên tắc lập chi phí xây dựng

1.1. Việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo Nghị định 99/2007/NĐ-CP và các thông tư hiện hành của Bộ xây dựng phù hợp với thời điểm lập dự toán;

1.2. Chủ đầu tư phải căn cứ những quy định lập và quản lý chi phí xây dựng của nhà nước để lập và phê duyệt tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán hạng mục công trình làm căn cứ để tổ chức đấu thầu xây lắp và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng;

1.3. Khi chưa có giá chuẩn hoặc suất vốn đầu tư được nhà nước ban hành tại thời điểm lập dự án thì tổng mức đầu tư được xác định trên cơ sở khối lượng chủ yếu các công việc cần thực hiện theo TKCS và đơn giá hiện hành.

2. Quản lý dự toán công trình.

2.1. Dự toán công trình chỉ được điều chỉnh theo các trường hợp theo quy định tại khoản 1, điều 9 của quy định này;

2.2. Việc điều chỉnh dự toán công trình trong trường hợp thay đổi thiết kế trái với TKCS được duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định;

2.3. Các trường hợp được phép thay đổi, bổ sung thiết kế không trái với thiết kế cơ sở hoặc thay đổi cơ cấu chi phí trong dự toán nhưng không vượt dự toán công trình được duyệt, kể cả chi phí dự phòng thì chủ đầu tư tự tổ chức thẩm tra, phê duyệt dự toán công trình điều chỉnh.

2.4. Nghiêm cấm chủ đầu tư tự ý thay đổi thiết kế làm thay đổi tổng mức đầu tư, dự toán công trình khi chưa được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.

**Điều 12. Lập, thẩm định, phê duyệt TKKT-DT, TKBVTC-DT**

1. Sau khi dự án đầu tư và xây dựng công trình được người có thẩm quyền quyết định phê duyệt thì chủ đầu tư tiến hành lập TKKT hoặc TKBVTC, DT công trình; các bước lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán được thực hiện theo điều 14, 15 và 16 của Nghị định 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với những dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt dự án đầu tư, Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt TKBVTC, dự toán; nếu không đủ năng lực thì chủ đầu tư có thể thuê tổ chức, cá nhân thẩm tra thiết kế, dự toán làm cơ sở cho phê duyệt.

3. Đối với dự án, công trình lập BCKT-KT chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt TKBVTC và dự toán công trình theo quy định để tổ chức đấu thầu thực hiện dự án.

4. TKKT - TKBVTC không được trái với TKCS của dự án; Tổng dự toán, dự toán không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt trong quyết định đầu tư và chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về quyết định phê duyệt của mình.

5. Thời gian để hoàn thành lập TKBVTC-DT:

5.1. Đối với dự án thực hiện chỉ định thầu: không quá 2 tháng đối với dự án nhóm C và 3 tháng đối với dự án nhóm B từ khi quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu;

5.2. Đối với trường hợp đấu thầu: không quá 3 tháng đối với dự án nhóm C và 4 tháng đối với dự án nhóm B từ khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu.

**Điều 13. Quản lý chất lượng công trình xây dựng**

Nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng theo Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ và lưu ý các điểm sau đây:

1. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư đưa công trình vào khai thác sử dụng.

1.1. Phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của nhà nước về lập thẩm định dự án đầu tư, TKKT- TKBVTC, DT, tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân và năng lực phù hợp để đảm nhận các công việc trong quá trình thực hiện và tổ chức giám sát chặt chẽ đảm bảo chất lượng công trình theo đúng thiết kế;

1.2. Kiểm tra chất lượng các loại vật liệu, cấu kiện xây dựng, thiết bị lắp đặt đúng theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật được duyệt.

2. Sở Xây dựng và các Sở có xây dựng chuyên ngành (Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công nghiệp, Thương mại và Dịch vụ, Tài nguyên và Môi

trường, Khoa học và Công nghệ...) có trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng các công trình xây dựng thuộc lĩnh vực ngành trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 14. Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư**

1. Đối với các gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hoá và tư vấn thì việc tạm ứng vốn đầu tư được thực hiện ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực (trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác); mức tạm ứng được thực hiện theo điều 24 của Nghị định 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ;

2. Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức chỉ định thầu thì việc thanh toán vốn đầu tư căn cứ theo giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu theo giai đoạn hoặc giá trị khối lượng được nghiệm thu hàng tháng theo hợp đồng đã ký kết;

3. Thanh toán hợp đồng và hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng được thực hiện theo điều 25 và điều 26 của Nghị định 99/2007/NĐ-CP.

#### **Điều 15. Nghiệm thu bàn giao công trình**

1. Dự án đầu tư chỉ được bàn giao toàn bộ cho chủ đầu tư khi đã xây lắp hoàn chỉnh theo đúng thiết kế kỹ thuật được duyệt, vận hành đúng yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu đạt yêu cầu, chất lượng; Trường hợp các hạng mục (hoặc gói thầu) thuộc dự án đầu tư được thực hiện theo yêu cầu tiến độ chủ đầu tư cần đưa vào khai thác sử dụng thì được tiến hành bàn giao để chủ đầu tư quản lý;

2. Khi bàn giao toàn bộ công trình phải giao cả hồ sơ hoàn công và các tài liệu liên quan khác đến công trình được bàn giao như: Tài liệu hướng dẫn chế độ duy tu, bảo dưỡng công trình...;

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý hồ sơ xây dựng công trình và nộp lưu trữ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 16. Bảo hành công trình xây dựng**

Thời hạn bảo hành công trình tối thiểu được tính từ ngày nhà thầu bàn giao công trình hoặc hạng mục công trình phải bảo hành cho chủ đầu tư và được quy định như sau:

1. Đối với công trình nhóm A thời gian bảo hành không ít hơn 24 tháng, mức bảo hành là 3% giá trị công trình;

2. Đối với công trình còn lại thời gian bảo hành không ít hơn 12 tháng, mức bảo hành tối thiểu là 5% giá trị công trình.

#### **Điều 17. Quyết toán vốn đầu tư**

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư của dự án hoàn thành hoặc hạng mục hoàn thành trình người có thẩm quyền phê duyệt ngay sau khi bàn giao đưa dự án hoặc hạng mục dự án vào khai thác sử dụng:

1.1.Vốn đầu tư được quyết toán là chi phí hợp pháp được thực hiện trong quá trình đầu tư và được thực hiện theo đúng thiết kế, dự toán được phê duyệt;

1.2.Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành trình người có thẩm quyền phê duyệt chậm nhất là 12 tháng đối với dự án nhóm A, 9 tháng đối với dự án nhóm B, 6 tháng đối với dự án nhóm C kể từ khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, 3 tháng đối với báo cáo kinh tế - kỹ thuật và hạng mục dự án (hoặc gói thầu) hoàn thành;

1.3.Giá trị quyết toán của dự án phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được phê duyệt; giá trị quyết toán của hạng mục công trình phải nằm trong giá trị dự toán hoặc giá trị gói thầu được duyệt.

## 2. Thẩm tra và phê duyệt quyết toán

2.1.Tất cả các báo cáo quyết toán phải được thẩm tra trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt;

2.2.Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng; Thẩm tra và trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán đối với các dự án có tổng mức đầu tư  $\geq$  5 tỷ đồng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư;

2.3.Phòng Tài chính cấp huyện tổ chức thẩm tra và trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán những dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

## CHƯƠNG IV QUẢN LÝ VỀ ĐẤU THẦU

### **Điều 18. Điều kiện để tổ chức đấu thầu**

1. Tất cả các gói thầu trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu (ở mọi hình thức lựa chọn nhà thầu) phải được người có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu.

2. Những dự án có quy mô nhỏ (thiết kế 1 bước) thì kế hoạch đấu thầu có thể được phê duyệt đồng thời trong quyết định đầu tư.

3. Kế hoạch đấu thầu phải lập cho toàn bộ dự án, trường hợp dự án nhóm A, B chưa đủ điều kiện và nếu thấy thật cần thiết thì được phép lập kế hoạch đấu thầu cho một số gói thầu để thực hiện trước nhưng phải được người quyết định đầu tư cho phép bằng văn bản.

4. Kế hoạch đấu thầu phải nêu rõ đầy đủ số lượng gói thầu của dự án và nội dung của từng gói thầu theo quy định tại điều 6 của Luật Đấu thầu.

5. Đối với những gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hoá trước khi phát hành hồ sơ mời thầu thì gói thầu phải được phê duyệt TK –DT . Những gói thầu được người có thẩm quyền cho phép ở khoản 3 điều này nhưng cũng phải có TKBVTC-DT của hạng mục đấu thầu được phê duyệt.

6. Hồ sơ trình duyệt và trách nhiệm trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu phải được thực hiện theo điều 10 của Nghị định 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ.

### **Điều 19. Phân cấp, phân công trong đấu thầu**

1. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu do UBND tỉnh quyết định đầu tư sau khi có báo cáo kết quả thẩm định của cơ quan đầu mối thẩm định.

Đối với các gói thầu thuộc nguồn vốn ngân sách cho đầu tư phát triển, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối thẩm định;

Đối với các gói thầu thuộc nguồn vốn sự nghiệp, Sở Tài chính là cơ quan đầu mối thẩm định.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu do UBND cấp huyện quyết định đầu tư sau khi được phòng Kế hoạch đầu tư hoặc phòng Kế hoạch Tài chính cấp huyện thẩm định.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập kế hoạch đấu thầu, lập hoặc thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức thông báo và phát hành hồ sơ mời thầu, tiếp nhận quản lý hồ sơ dự thầu, mở thầu và thành lập tổ chuyên gia đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định; phê duyệt kết quả chỉ định thầu đối với gói thầu tư vấn có giá trị dưới 500 triệu đồng và gói thầu mua sắm hàng hoá hoặc xây lắp có giá trị dưới 1 tỷ đồng đối với các gói thầu được người có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu; phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu chỉ định thầu.

4. Đối với những dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc doanh nghiệp thì quá trình lựa chọn nhà thầu vẫn được thực hiện theo quy định; cơ quan thẩm định do doanh nghiệp lựa chọn.

### **Điều 20. Các hình thức lựa chọn nhà thầu và trình tự về đấu thầu**

1. Đối với các gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên và các gói thầu dịch vụ tư vấn có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên phải áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi. Đấu thầu hạn chế và thực hiện các hình thức khác chỉ được thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu và sau khi được người quyết định đầu tư cho phép bằng văn bản.

2. Trình tự đấu thầu được thực hiện theo các chương 3, 4, 5, 6 của Nghị định 111/2006/NĐ-CP.

### 3. Chỉ định thầu:

3.1. Chỉ định thầu được áp dụng đối với gói thầu trong các trường hợp quy định tại khoản 1 điều 20 của Luật Đấu thầu và điều 1 quyết định số 49/2007- QĐ-TTg ngày 11/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ; gói thầu thực hiện chỉ định thầu phải được người có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu. Khi thực hiện chỉ định thầu chủ đầu tư phải lựa chọn nhà thầu được xác định là có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu;

3.2. Quy trình thực hiện chỉ định thầu được thực hiện tương tự như quy trình đấu thầu của 1 gói thầu và được thực hiện theo quy định tại điều 35 của Nghị định 111/2006/NĐ-CP.

### **Điều 21. Hợp đồng trong đấu thầu**

1. Các hình thức hợp đồng trong đấu thầu được thực hiện theo điều 48 của Luật Đấu thầu; chủ đầu tư căn cứ vào tính chất của gói thầu để lựa chọn hình thức hợp đồng cho phù hợp;

Những gói thầu do các nhà thầu liên danh thì khi hợp đồng phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham gia liên danh;

2. Việc điều chỉnh giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng được thực hiện theo điều 21, điều 22 và điều 23 của Nghị định 99/2007/NĐ-CP;

Đối với các gói thầu chỉ định thầu không thực hiện điều chỉnh giá trị hợp đồng trừ trường hợp những gói thầu do sự cố bất khả kháng theo điểm a khoản 1 điều 20 của Luật Đấu thầu và gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư;

Việc điều chỉnh giá trị hợp đồng phải được người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia đấu thầu**

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm:

1.1. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu;

1.2. Phê duyệt hoặc uỷ quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu;

1.3. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

1.4. Quyết định xử lý các tình huống và giải quyết kiến nghị trong đấu thầu;

1.5. Xử lý các vi phạm về pháp luật trong đấu thầu.

2. Chủ đầu tư:

2.1. Có thể trực tiếp thực hiện hoặc lựa chọn một tổ chức tư vấn hay tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp thay mình làm bên mời thầu;

2.2. Quyết định nội dung, phê duyệt danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ sơ tuyển; phê duyệt tổ chuyên gia đấu thầu; tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu, xếp loại nhà thầu và phê duyệt kết quả chỉ định thầu theo quy định được phân cấp tại quyết định này;

2.3. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu.

3. Nhà thầu:

3.1. Yêu cầu bên mời thầu làm rõ hồ sơ mời thầu;

3.2. Thực hiện các cam kết theo hợp đồng với chủ đầu tư và cam kết với nhà thầu phụ (nếu có);

3.3. Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu;

3.4. Bảo đảm trung thực, chính xác trong quá trình tham gia đấu thầu, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu;

3.5. Bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức thẩm định:

4.1. Hoạt động độc lập, tuân theo quy định của Luật Đấu thầu và quy định của pháp luật có liên quan khi tiến hành thẩm định;

4.2. Yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan;

4.3. Bảo mật các tài liệu liên quan trong quá trình thẩm định;

4.4. Trung thực, khách quan, công bằng trong quá trình thẩm định;

4.5. Bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm về báo cáo thẩm định của mình.

### **Điều 23. Điều kiện cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu**

Các cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động đấu thầu phải có đủ các điều kiện sau (trừ các nhà thầu):

1. Am hiểu pháp luật về đấu thầu, có chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu;

2. Có kiến thức về quản lý dự án;

3. Có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của gói thầu theo lĩnh vực kỹ thuật, tài chính, thương mại, hành chính và pháp lý;

4. Có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu Quốc tế, gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA.

### **Điều 24. Quy định về đăng tải thông tin trong đấu thầu**

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp và đăng tải các thông tin đấu thầu theo quy định từ điểm a đến điểm e và điểm h khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Thời hạn cung cấp thông tin: Đối với thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu và thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm, thời hạn cung cấp thông tin chậm nhất là 15 ngày trước ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và hồ sơ quan tâm; đối với thông báo mời chào hàng thì thời hạn cung cấp thông tin chậm nhất là 10 ngày trước ngày phát hành hồ sơ yêu cầu. Đối với các thông tin còn lại quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu, thời hạn cung cấp thông tin chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày ký văn bản.

## **CHƯƠNG V**

### **GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 25. Giám sát đánh giá tổng thể đầu tư**

1. Đánh giá tổng thể về quản lý đầu tư nhằm đánh giá tình hình thực hiện các quy định về quản lý đầu tư, phát hiện những sai phạm, vướng mắc báo cáo người có thẩm quyền chấn chỉnh và xử lý kịp thời phù hợp với chính sách nhà nước và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giám sát đánh giá tổng thể đầu tư trên địa bàn đối với các dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ và thời gian quy định.

#### **Điều 26. Giám sát đánh giá dự án đầu tư**

1. Giám sát đánh giá dự án đầu tư theo các giai đoạn:

1.1. Giám sát chuẩn bị đầu tư là việc kiểm tra của cơ quan quản lý cấp trên đối với cấp dưới về quá trình chuẩn bị đầu tư và ra quyết định đầu tư của dự án; kiểm tra sự đảm bảo các quy định về pháp lý trong việc chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư) và đánh giá năng lực của chủ đầu tư;

1.2. Giám sát, đánh giá quá trình thực hiện dự án đầu tư là việc theo dõi kiểm tra xác định mức độ đạt được của quá trình thực hiện dự án theo quyết định đầu tư đã phê duyệt;

1.3. Đánh giá sau thực hiện đầu tư là việc tổng hợp đánh giá toàn bộ quá trình đầu tư một cách toàn diện từ khâu chuẩn bị đến khâu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng và quá trình khai thác vận hành dự án;

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo Thông tư 03/2003/TT-BKH ngày 19/5/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và báo cáo theo mẫu quy định gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ 3 tháng 1 lần chậm nhất vào ngày mùng 5 của tháng đầu quý sau và mùng 5 tháng 1 năm sau.

**Điều 27. Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo với HĐND hoặc UBND nơi có dự án các nội dung yêu cầu của dự án theo quy định của pháp luật (quyết định số 80/2005/QĐ-TTg, ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLTKHĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính), để phục vụ cho việc giám sát của cộng đồng.

2. Ban giám sát cộng đồng xã thực hiện đầy đủ quyền và thực hiện theo quy định của pháp luật, quá trình giám sát không được gây khó khăn cản trở đối với cơ quan chủ đầu tư và các nhà thầu; định kỳ 6 tháng, 1 năm lập báo cáo gửi các cơ quan theo đúng quy định.

**Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đối với giám sát đầu tư cộng đồng**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh để tổ chức hướng dẫn công tác giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn tỉnh và định kỳ báo cáo cấp trên theo quy định.

2. UBND các cấp, cơ quan quản lý ngành các cấp có trách nhiệm công khai hoá các thông tin quy hoạch theo quy định của pháp luật; xem xét giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật mà cộng đồng yêu cầu trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kiến nghị bằng văn bản của cộng đồng; báo cáo cơ quan cấp trên những vấn đề vượt thẩm quyền.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm công khai hoá thông tin về quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật; trả lời, giải trình, cung cấp các thông tin theo quy định khi cộng đồng yêu cầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã cung cấp phục vụ việc giám sát đầu tư của cộng đồng.

5. Nhà thầu có trách nhiệm trả lời, giải trình, cung cấp các thông tin về dự án thuộc phạm vi trách nhiệm theo quy định của pháp luật khi cộng đồng yêu cầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã cung cấp phục vụ cho việc giám sát đầu tư của cộng đồng.

**Điều 29. Nội dung giám sát cộng đồng**

1. Đối với các chương trình, dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước và không thuộc diện bí mật quốc gia nội dung giám sát như sau:

1.1. Kiểm tra sự phù hợp của Quyết định đầu tư dự án với các quy hoạch, kế hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- a. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, huyện;
- b. Quy hoạch phát triển các ngành trên địa bàn tỉnh;

- c. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của xã;
  - d. Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của xã;
  - đ. Quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, dân cư, công nghiệp,... trên địa bàn xã (nếu có);
  - e. Kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã.
- 1.2. Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định của chủ đầu tư và các nhà thầu:
- a. Về chỉ giới đất đai và sử dụng đất;
  - b. Về quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng;
  - c. Về đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư;
  - d. Về xử lý chất thải, bảo vệ môi trường;
  - đ. Về tiến độ, kế hoạch đầu tư dự án.
- 1.3. Theo dõi, phát hiện các tác động tiêu cực của dự án:
- a. Những việc làm của chủ đầu tư, các nhà thầu xâm hại lợi ích của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành (khai thác) dự án;
  - b. Những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành (khai thác) dự án.
- 1.4. Theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư và phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.
2. Đối với các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn khác được thực hiện theo quy định tại thông tư 04/2006/TTLTKHĐT-UBTUMTTQVN-TC.

## **CHƯƠNG VI**

### **THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 30. Thanh tra, kiểm tra**

1. Các Sở, Ngành, UBND cấp huyện theo chức năng, quyền hạn tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn;
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đều phải chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng, việc thanh tra, kiểm tra phải tuân theo quy định của Luật Thanh tra.

#### **Điều 31. Xử lý vi phạm**

1. Các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư và xây dựng và các quy định của quy chế này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính

theo Nghị định 53/2007/NĐ-CP ngày 4/4/2007 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong hoạt động xây dựng hoặc chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cơ quan chức năng nhà nước, cán bộ công chức liên quan đến quản lý đầu tư và xây dựng mà không làm đầy đủ nhiệm vụ được giao hoặc đặt ra các thủ tục yêu cầu ngoài quy định thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 32. Xử lý chuyển tiếp**

1. Các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư (hoặc BCKT-KT), phê duyệt TKKT,TKBVTC - DT(hoặc TDT), thì ứng với mỗi bước thiết kế này, vẫn thực hiện theo quy định cũ.

2. Các dự án chưa lập hoặc đã lập nhưng chưa được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt thì thủ tục lập, thẩm định và trình duyệt, phải thực hiện theo quy định này.

### **Điều 33. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện và các Chủ đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này.

2. Các Sở, Ngành căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể các cơ quan trong tỉnh thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi quản lý của ngành mình.

3. Những nội dung không quy định trong văn bản này được thực hiện theo Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các Nghị định khác của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn hiện hành khác của các Bộ, Ngành chức năng có liên quan đến công tác quản lý đầu tư và xây dựng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Kim**